

BIÊN BẢN

**Về việc niêm yết công khai tình hình thực hiện thu, chi ngân sách năm
2023 xã Liên Minh**

Hôm nay vào hồi 14 giờ 00 ngày 15 tháng 01 năm 2024, tại UBND xã Liên Minh, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên,

I. Thành phần:

1. Ông Vương Việt Dũng, Bí thư Đảng ủy - Chủ tịch HĐND xã.
2. Ông Hoàng Văn Thượng, Chủ tịch UBND xã .
3. Bà: Nguyễn Thị Dưỡng, Phó CT. HĐND xã
4. Ông Đặng Văn Hương, Chủ tịch UBMTTQ xã.
5. Ông Nguyễn Văn Tiếp, Văn phòng HĐND- UBND xã.
6. Bà Lê Thị Hiền Công chức Tài Chính kế toán.

II. Nội dung; Lập biên bản niêm yết quyết định công khai tình hình thực hiện thu, chi ngân sách năm 2023 xã Liên Minh .

Căn cứ thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai Ngân sách Nhà nước đối với các cấp Ngân sách.

Căn cứ Quyết định số 2888/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 của UBND huyện Võ Nhai về việc giao dự toán ngân sách nhà nước huyện Võ Nhai năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 139/2022/NQ-HĐND ngày 22/12/2022 của HĐND xã Liên Minh về phê chuẩn dự toán ngân sách nhà nước xã Liên Minh năm 2023;

Trước sự chứng kiến của các thành phần có tên trên, UBND xã lập biên bản niêm yết quyết định công khai số 14/QĐ-UBND ngày 15/01/2024 về việc công khai số liệu tình hình thực hiện thu, chi ngân sách năm 2023 xã Liên Minh.

(Thời gian niêm yết từ ngày 15/01/2024 đến hết ngày 15/02/2024)

Biên bản được lập thành 02, có giá trị pháp lý như nhau, (01 bản lưu tại văn phòng HĐND - UBND và 01 bản lưu bộ phận Tài chính- kế toán xã) đọc cho các thành phần có tên cùng nghe và nhất trí ký tên thực hiện./.

NGƯỜI LẬP

Lê Thị Hiền

TM. HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Phó Chủ tịch

Nguyễn Thị Dưỡng

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

Chủ tịch

Hoàng Văn Thượng

Số: 03/TB -UBND-TCKT

Liên Minh, ngày 15 tháng 01 năm 2024

THÔNG BÁO

Niên yết công tình hình thực hiện thu, chi ngân sách năm 2023 xã Liên Minh

Căn cứ Luật chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung năm 2019;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 15/01/2024 của UBND xã Liên Minh về việc công khai tình hình thực hiện thu, chi ngân sách xã năm 2023 xã Liên Minh;

UBND xã Liên Minh thực hiện công tình hình thực hiện thu chi ngân sách năm 2023 xã Liên Minh .

(Gồm quyết định và biểu kèm theo)

Với nội dung trên UBND xã Liên Minh thông báo niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã Liên Minh, loa đài của xã, trang thông tin điện tử (<http://liênminh.vonhai.thainguyen.gov.vn/>).

Thời gian niêm yết: Từ ngày 15 tháng 01 năm 2024 đến hết ngày 15 tháng 02 năm 2024.

Trong thời gian niêm yết các tập thể, cá nhân có khiếu nại phản ánh về UBND xã Liên Minh qua đồng chí Lê Thị Hiền - Công chức Tài chính - Kế toán, SĐT: 0816849555. Hết thời gian niêm yết nếu không có khiếu nại hay ý kiến gì, UBND xã sẽ thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:

- TT ĐU – TT HĐND xã;
- Đ/c CT, các PCT UBND xã;
- Lưu: Vp, KT.

CHỦ TỊCH



Hoàng Văn Thượng

Số: 14/QĐ-UBND

Liên Minh, ngày 15 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc công khai số liệu tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách xã
năm 2023 xã Liên Minh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ LIÊN MINH

Căn cứ luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung năm 2019;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai NSNN đối với các cấp Ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 2888/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 của UBND huyện Võ Nhai về việc giao dự toán ngân sách nhà nước huyện Võ Nhai năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 139/2022/NQ-HĐND ngày 22/12/2022 của HĐND xã Liên Minh về phê chuẩn dự toán ngân sách nhà nước xã Liên Minh năm 2023;

Theo đề nghị của Bộ phận tài chính – Kế toán xã Liên Minh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai số liệu tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách xã năm 2023 xã Liên Minh

(Có biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Giao cho Văn phòng HĐND - UBND và Bộ phận Tài chính - Kế toán xã thực hiện công khai tình hình thực hiện thu, chi ngân sách xã năm 2023 theo đúng quy định của Luật ngân sách Nhà nước.

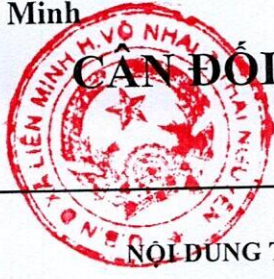
Điều 3. Các ông (bà) Văn phòng HĐND - UBND, bộ phận Tài chính - kế toán, trưởng các ban ngành đoàn thể và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Phòng TC-KH huyện ;
- KBNN Võ Nhai;
- TT Đ.ủy, TT HĐND xã;
- Đ/c CT, các PCT UBND xã;
- Lưu : VP.



Hoàng Văn Thượng



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)	SỐ SÁNH (%)
A	B	1	2	3 = 2/1
I	TỔNG SỐ THU			105,72
1	Các khoản thu xã hưởng 100 %	19 557 053	20 675 767	85,29
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	42 000	35 820	314,51
3	Thu bổ sung	99 000	311 362	105,59
	- Bổ sung cân đối ngân sách	16 338 905	17 251 436	100
	- Bổ sung có mục tiêu	5 021 000	5 021 000	108,06
4	Thu chuyển nguồn	11 317 905	12 230 436	100
II	TỔNG SỐ CHI	3 077 148	3 077 148	77,69
1	Chi đầu tư phát triển	19 997 736	17 506 883	87,5
2	Chi thường xuyên	10 142 344	9 719 608	95,8
3	Dự phòng	9 855 392	7 787 275	78,9

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu	19 711 053	19 557 053	21 055 045	20 675 767	106,82	105,72
I	Các khoản thu 100%	42 000	42 000	35 973	35 820	85,65	85,29
	Thu hồi các khoản thu năm trước			1 347	1 347		
1	Phí, lệ phí	30 000	30 000	28 148	28 148	93,83	93,83
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Tặng thu						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân	12 000	12 000	6 478	6 325	53,98	52,71
8	Thu khác	253 000	99 000	536 526	217 240	212,07	219,43
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	43 000	27 000	33 079	21 171	76,93	78,41
1	Các khoản thu phân chia			224			
11	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp						
12	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình	12 000	12 000	9 700	9 700	80,83	80,83
13	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	31 000	15 000	23 155	11 471	74,69	76,48
14	Lệ phí trước bạ nhà, đất	210 000	72 000	503 447	196 069	239,74	272,32
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	50 000	22 000	320 670	144 301	641,34	655,92
21	Thu tiền sử dụng đất						
22	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước						
23	Thuế tài nguyên	60 000		74 778		124,63	
24	Thuế giá trị gia tăng						
25	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
26	Thuế thu nhập cá nhân	100 000	50 000	108 000	51 768	108	103,54
27	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
	Tặng thu						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
		3 077 148	3 077 148	3 077 148	3 077 148	100	100
IV	Thu chuyển nguồn			94 121	94 121		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước	16 338 905	16 338 905	17 311 276	17 251 436	105,95	105,59
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	5 021 000	5 021 000	5 021 000	5 021 000	100	100
1	Thu bổ sung cân đối	11 317 905	11 317 905	12 290 276	12 230 436	108,59	108,06
2	Thu bổ sung có mục tiêu						



ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

Đơn vị

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)			SO SÁNH (%)	
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ 7 = 4/1	XDCB 8 = 5/2
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2
	TỔNG CHI	19 997 736	10 142 344	9 855 392	14 760 099	9 719 608	7 787 275	87,5	95,8
	Trong đó:								
	Chi đầu tư khác								
	Chi đầu tư	10 142 344	10 142 344		9 719 608	9 719 608		95,8	95,8
	Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	921 000		921 000	914 363		914 363	99,28	
	Chi dân quân tự vệ	464 000		464 000	593 567		593 567	127,92	
	Chi trật tự an toàn xã hội	337 000		337 000	320 796		320 796	95,19	
1	Chi giáo dục	226 000		226 000	196 781		196 781	87,07	
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ								
3	Chi y tế								
4	Chi văn hóa, thông tin	31 000		31 000	30 170		30 170	97,32	
5	Chi phát thanh, truyền thanh								
6	Chi thể dục, thể thao	22 000		22 000	21 700		21 700	98,64	
7	Chi bảo vệ môi trường								
8	Chi các hoạt động kinh tế	1 722 917		1 722 917	446 902		446 902	25,94	
	Giao thông	381 077		381 077	381 076		381 076	100	
	Nông - lâm - thủy lợi - hải sản	1 310 840		1 310 840	34 826		34 826	2,66	
	Thị chính								
	Thương mại, du lịch								
	Các hoạt động kinh tế khác	31 000		31 000	31 000		31 000	100	
	Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	7 081 350		7 081 350	6 060 444		6 060 444	85,58	
	Hội đồng nhân dân	376 802		376 802	399 876		399 876	106,12	
	Ủy ban nhân dân	4 747 399		4 747 399	3 848 200		3 848 200	81,06	
	Đảng Cộng sản Việt Nam	676 000		676 000	674 065		674 065	99,71	
	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	369 500		369 500	364 937		364 937	98,77	
	Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	184 000		184 000	179 380		179 380	97,49	

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)			SO SÁNH (%)	
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2
	Hội Liên hiệp Phụ nữ	173 000		173 000	171 087		171 087	98,89	
	Hội Cựu chiến binh	178 500		178 500	172 135		172 135	96,43	
	Hội Nông dân	180 000		180 000	170 328		170 328	94,63	
	Chi người cao tuổi, chữ thập đỏ, hội da cam	91 774		91 774	80 436		80 436	87,65	
10	Chi cho công tác xã hội	75 500		75 500	72 688		72 688	96,28	
11	Chi khác								
	Tiết kiệm chi								
12	Dự phòng								
13	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau								
	Nộp trả ngân sách cấp trên				34 047		34 047		
	Chi chưa qua kho bạc						10 180		

